

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGUYỄN VỌNG 2 BẬC ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA TP. HỒ CHÍ MINH KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2009

*** Ghi chú:**

- Các thí sinh không trúng tuyển vào ngành Quản lý văn hóa được chọn học 1 trong 3 ngành: 201 (Bảo tàng học), 601 (Văn hóa dân tộc thiểu số), 701 (Văn hóa học). Thí sinh sẽ nhận được Giấy báo nhập học và Mẫu đơn xin học 1 trong 3 ngành trên.
- Thí sinh nhập học vào ngày 28/09/2009.

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
1	LPS.C05792	Trần Thị Hoàng Loan	10/02/91	Nữ	04.05		3	04.07 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.75	3.50	6.25	15.50	15.50	T
2	LPS.C04254	Nguyễn Thị Kiều Giang	6/12/90	Nữ	35.01		2	35.50 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	4.25	5.50	14.75	15.00	T
3	LPS.C05949	Hoàng Thị Mai Ly	19/05/91	Nữ	32.01		2	32.25 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	3.75	6.25	15.00	15.00	T
4	LPS.C08816	Trần Thụy Nhật Tuyên	5/05/91	Nữ	41.01		2	41.16 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.25	2.75	6.75	14.75	15.00	T
5	QXS.C05548	Trần Thị Phương Thảo	1/12/91	Nữ	50.01		2	50.12 .12002	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	3.50	6.50	15.00	15.00	T
6	TCT.C67073	Nguyễn Thị Trà Giang	23/07/91	Nữ	55.01		3	55.13 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	5.50	5.50	15.00	15.00	T
7	TDV.C23010	Đinh Thị Tú Anh	25/09/90	Nữ	29.01		2	29.01 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	7.50	3.00	4.25	14.75	15.00	T
8	CSS.C08665	Nguyễn Thái Học	10/04/90	Nam	53.06	2NT		53. .08340	201 hoặc 601 hoặc 701	4.75	4.25	5.25	14.25	14.50	T
9	CSS.C08724	Phan Lê Nguyễn	14/12/91	Nam	35.01		2	35.35 .06312	201 hoặc 601 hoặc 701	5.75	3.50	5.00	14.25	14.50	T
10	DDS.C51403	Nguyễn Chính Đức	3/03/89	Nam	29.16	2NT		29.83 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	5.50	5.00	14.50	14.50	T
11	HCH.C01513	Phạm Văn Hùng	18/08/90	Nam	29.12	2NT		29.60 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.00	5.00	3.25	14.25	14.50	T
12	HCS.C01282	Lê Thị Hiền	20/11/91	Nữ	28.18	2NT		28.61 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.00	1.75	6.50	14.25	14.50	T
13	HCS.C01319	Lê Thị Thu Hiền	10/08/91	Nữ	30.01	2NT		30.45 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	2.50	6.25	14.25	14.50	T
14	LPS.C05964	Nguyễn Thị Trúc Ly	90	Nữ	56.07	2NT		56.20 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	2.75	6.00	14.25	14.50	T
15	LPS.C06246	Lê Thị Nga	25/04/91	Nữ	24.03	2NT		24.31 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.25	3.25	6.75	14.25	14.50	T
16	LPS.C07642	Phạm Thị Ngọc Thảo	8/02/90	Nữ	35.08	2NT		98.25 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	2.00	6.75	14.25	14.50	T
17	LPS.C09606	Lê Thành Dồn	20/01/91	Nam	39.09	2NT		39.08 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	3.50	6.00	14.50	14.50	T
18	QHX.C00440	Mai Tuyết Chinh	16/06/91	Nữ	28.26	2NT		28.92 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.75	2.50	5.25	14.50	14.50	T
19	QXS.C02085	Nguyễn Thị Hồng Thu	10/07/90	Nữ	39.04	2NT		39.25 .00191	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	3.75	6.00	14.25	14.50	T
20	QXS.C03357	Nguyễn Xuân Hiệp	12/09/91	Nam	48.08	2NT		48.54 .00444	201 hoặc 601 hoặc 701	6.25	2.75	5.25	14.25	14.50	T
21	QXS.C04500	Nguyễn Hương Hoàng Nga	4/09/91	Nữ	45.01	2		45.09 .00147	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	3.00	6.00	14.50	14.50	T
22	SGD.C21172	Huỳnh Thị Ngọc Dung	12/01/91	Nữ	35.10	2NT		35.43 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.75	3.50	6.25	14.50	14.50	T
23	SPS.C11224	Nguyễn Văn Linh	4/04/89	Nam	30.06	2NT		30. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	3.00	5.75	14.25	14.50	T
24	TDV.C21722	Nguyễn Thị Hương	20/06/91	Nữ	28.10	2NT		28.61 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.25	3.50	5.50	14.25	14.50	T
25	TGC.C02319	Lê Việt Hùng	15/04/90	Nam	29.06	2NT		29.28 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.00	4.00	4.50	14.50	14.50	T
26	TGC.C04384	Đỗ Thị Quyên	5/09/91	Nam	19.08	2NT		19.15 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.50	3.00	4.75	14.25	14.50	T
27	TGC.C05968	Phạm Thị Tuyết	26/08/90	Nữ	12.08	2NT		12.00 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	4.50	4.25	14.25	14.50	T
28	VHH.C01331	Trần Thị Hằng	11/10/91	Nữ	25.09	2NT		25.60 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.00	1.75	6.75	14.50	14.50	T
29	VHH.C05523	Trần Thanh Tuấn	1/12/90	Nam	12.09	2NT		12.00 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	4.25	6.25	14.50	14.50	T
30	ANS.C02173	Nguyễn Văn Đức	9/01/91	Nam	40.07		1	40. .02325	201 hoặc 601 hoặc 701	3.75	5.00	5.00	13.75	14.00	T

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
31	ANS.C03025	Chế Bảo Tâm	16/01/91	Nam	47.04		2	47.00 .02722	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	2.50	6.75	13.75	14.00	T
32	DHT.C72402	Phan Thị Trâm	18/03/91	Nữ	29.11		2NT	29.49 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.25	4.50	6.25	14.00	14.00	T
33	DQN.C01736	Phạm Thị Thu Lam	9/10/91	Nữ	39.01		2	39.17 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.75	2.25	5.00	14.00	14.00	T
34	DQN.C02664	Đặng Văn Nhạc	8/09/91	Nam	35.01		2	35.50 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.75	2.00	7.25	14.00	14.00	T
35	HCS.C01069	Trần Thị Phương Dung	10/03/90	Nữ	44.04		2NT	98.27 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.00	4.00	4.00	14.00	14.00	T
36	HCS.C01207	Trình Hoàng Hà	21/09/91	Nữ	43.07		1	43.22 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	3.00	6.00	14.00	14.00	T
37	HCS.C01594	Dương Thị Liên	20/04/91	Nữ	28.23		2NT	28.79 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	3.75	4.50	13.75	14.00	T
38	HCS.C02648	Phạm Quốc Việt	10/11/84	Nam	46.05		1	46.29 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	6.75	3.00	13.75	14.00	T
39	HVQ.C01357	Lê Thị Thu	20/02/91	Nữ	28.27		2NT	28.97 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.50	2.75	4.50	13.75	14.00	T
40	LPS.C03554	Nguyễn Thị Châm	11/03/91	Nữ	25.07		2NT	25.59 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.00	1.75	6.00	13.75	14.00	T
41	LPS.C03759	Đặng Bá Cường	2/01/88	Nam	63.02		1	98.21 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	5.25	4.75	14.00	14.00	T
42	LPS.C03920	Ngô Anh Duy	3/06/90	Nam	49.02		1	98.21 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	2.25	5.00	6.50	13.75	14.00	T
43	LPS.C05036	Nguyễn Thị Huế	22/01/86	Nữ	21.10		2NT	99.99 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	4.00	4.75	13.75	14.00	T
44	LPS.C07155	Lê Thị Hải Quỳnh	3/07/91	Nữ	29.06		2NT	29.34 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.50	4.00	6.50	14.00	14.00	T
45	LPS.C07421	Huỳnh Thanh Thanh	24/07/91	Nữ	02.02		3	02.06 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	2.25	6.25	14.00	14.00	T
46	LPS.C07652	Đinh Thị Phương Hào	13/11/89	Nữ	42.10		1	98.21 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	3.50	5.50	14.00	14.00	T
47	LPS.C08064	Nguyễn Thị Phương Thùy	3/01/90	Nữ	43.01		1	43.00 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	4.25	4.75	14.00	14.00	T
48	LPS.C09431	Lê Hoài Phương	3/02/91	Nam	58.02		1	58.02 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	3.00	6.75	13.75	14.00	T
49	LPS.C09654	Trần Kỳ Điệp	25/02/91	Nam	39.06		1	39.15 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	3.75	6.00	13.75	14.00	T
50	QXS.C01786	Nguyễn Thị Hào	6/12/90	Nữ	37.03		1	99.99 .00040	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	4.00	4.75	13.75	14.00	T
51	QXS.C03012	Nguyễn Thị Ngọc Hà	16/06/90	Nữ	40.14		1	40.13 .01218	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	2.50	7.00	14.00	14.00	T
52	QXS.C05778	Trần Thị Thúy	20/11/91	Nữ	48.03		1	48.63 .00471	201 hoặc 601 hoặc 701	6.00	2.25	5.50	13.75	14.00	T
53	SGD.C21885	Đặng Thị Loan	2/02/91	Nữ	40.09		1	40.51 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.25	2.00	6.75	14.00	14.00	T
54	TCT.C71402	Nguyễn Khánh Phương	11/07/91	Nữ	55.01		3	55.13 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.25	2.75	5.00	14.00	14.00	T
55	TCT.C74959	Phạm Phương Yến	10/05/91	Nữ	55.02	06	3	55.13 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.50	3.00	4.50	14.00	14.00	T
56	TGC.C02577	Nguyễn Văn Hưởng	19/08/91	Nam	25.08		2NT	25.64 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.25	2.50	6.25	14.00	14.00	T
57	VHH.C00710	Phạm Thị Quỳnh Dương	5/01/91	Nữ	22.03		2NT	22.20 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	3.50	6.00	14.00	14.00	T
58	VHH.C02095	Nguyễn Lý Huỳnh	24/02/91	Nam	26.03		2NT	26.17 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	2.50	6.25	13.75	14.00	T
59	VHH.C04422	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	13/12/90	Nữ	18.25		2NT	18.56 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	3.75	6.25	14.00	14.00	T
60	VHH.C05644	Lê Văn Tú	1/08/89	Nam	16.09		1	16.01 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	3.75	6.00	13.75	14.00	T
61	CSS.C06617	Vương Trần Minh Hằng	23/06/91	Nữ	63.01		1	63.00 .05737	201 hoặc 601 hoặc 701	5.25	1.50	6.50	13.25	13.50	T
62	DHT.C71200	Nguyễn Thị Hoài Thanh	21/06/91	Nữ	31.01		2	31.05 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.75	2.75	5.75	13.25	13.50	T
63	HCH.C03958	Mai Thị Tươi	19/11/91	Nữ	18.05		1	18.19 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	7.50	2.00	4.00	13.50	13.50	T
64	HCS.C00910	Phan Tuấn Anh	29/12/89	Nam	56.08		1	99.99 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.25	5.00	5.00	13.25	13.50	T
65	HCS.C01725	Nguyễn Văn Mạnh	17/07/89	Nam	29.17		2NT	29.86 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.25	3.50	4.50	13.25	13.50	T
66	HCS.C01975	Bùi Thị Phương	10/07/90	Nữ	29.12		2NT	29.57 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	2.75	5.00	13.25	13.50	T
67	HCS.C01994	Nguyễn Thị Phương	11/06/91	Nữ	30.10		1	30.02 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.75	1.00	6.50	13.25	13.50	T
68	LPS.C03540	Vũ Thị Cảnh	24/07/87	Nữ	29.11		2NT	29.53 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	3.25	4.50	13.25	13.50	T
69	LPS.C03716	Nguyễn Thị Kim Cương	15/09/90	Nữ	34.05		1	99.99 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	2.75	5.75	13.50	13.50	T
70	LPS.C04243	Nguyễn Thị Hương Giang	29/05/91	Nữ	31.07		2NT	31.36 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	2.75	6.00	13.25	13.50	T

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
71	LPS.C04294	Huỳnh Thị Ngọc Giàu	7/05/91	Nữ	53.09		1	53.31 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	2.00	5.75	13.25	13.50	T
72	LPS.C06531	Nguyễn Minh Nhật	24/05/90	Nam	42.06		1	42.00 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	3.50	5.25	13.25	13.50	T
73	LPS.C06610	Trần Thị Nhung	12/04/91	Nữ	28.18	06	2NT	28.59 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	6.50	1.75	5.25	13.50	13.50	T
74	LPS.C06773	Phạm Danh Phi	10/04/91	Nam	30.09		2NT	30.06 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	3.50	5.50	13.50	13.50	T
75	LPS.C07681	Võ Minh Thăng	6/03/91	Nam	42.01		1	42.05 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	2.00	6.25	13.25	13.50	T
76	LPS.C07870	Nguyễn Thị Lê Thơ	4/04/90	Nữ	38.12		1	38.41 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.25	2.25	7.00	13.50	13.50	T
77	LPS.C07983	Trần Thị Phương Thuý	20/09/90	Nam	29.09		1	29.41 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	4.75	3.75	13.50	13.50	T
78	LPS.C08366	Lê Thị Thảo Trang	15/03/91	Nữ	35.01	06	2	35.50 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	1.75	6.75	13.50	13.50	T
79	LPS.C08845	Phù Thanh Tùng	7/07/90	Nam	18.07		2NT	99.99 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.25	3.00	5.25	13.50	13.50	T
80	LPS.C09605	Phạm Thị Diệu	10/06/91	Nữ	37.04		2NT	37.37 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	3.00	6.50	13.50	13.50	T
81	LPS.C09935	Nguyễn Thành Lưu	16/04/90	Nam	35.05		2NT	35.05 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	4.00	5.25	13.25	13.50	T
82	QXS.C01702	Nguyễn Thanh Chức	17/03/91	Nam	34.09		2	34.04 .00044	201 hoặc 601 hoặc 701	2.75	5.25	5.25	13.25	13.50	T
83	QXS.C05168	Nguyễn Thị Quê	20/11/91	Nữ	25.09		2NT	25.67 .05565	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	2.25	5.50	13.25	13.50	T
84	QXS.C06378	Huỳnh Vũ Tuyền	8/04/91	Nam	44.06		2	44.03 .00004	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	4.00	5.50	13.50	13.50	T
85	SGD.C38764	Phan Thị Mận	23/11/91	Nữ	37.01		2	37.04 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	2.75	5.75	13.50	13.50	T
86	SGD.C38876	Nguyễn Thị Thư	29/06/91	Nữ	39.07	06	2NT	39.37 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.25	2.75	5.25	13.25	13.50	T
87	SPS.C12355	Hoàng Văn Dẫn	7/08/90	Nam	28.26		2NT	99. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	3.50	5.50	13.50	13.50	T
88	SPS.C14313	Lê Thị Tuyết	28/01/91	Nữ	47.08		1	47. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.25	3.00	6.25	13.50	13.50	T
89	SPS.C14846	Ngô Thị Thanh Tâm	19/01/91	Nữ	48.01		2	48. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	2.25	7.00	13.25	13.50	T
90	SPS.C24081	Nguyễn Hữu Phương Bắc	3/10/91	Nam	34.02		2	34. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	4.00	5.50	13.50	13.50	T
91	TCT.C70961	Phạm Thị Ngọc Như	15/06/91	Nữ	51.06		1	51.27 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.75	3.75	5.00	13.50	13.50	T
92	TDV.C24083	Trần Thị Lê Na	22/11/91	Nữ	29.09		1	29.42 .01964	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	4.25	4.25	13.50	13.50	T
93	TDV.C25080	Nguyễn Xuân Hoài	3/02/88	Nam	30.03		1	30.24 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.75	2.75	6.75	13.25	13.50	T
94	BPS.C02615	Hoàng Anh Vinh	10/03/90	Nam	32.06	06	2NT	32. .00041	201 hoặc 601 hoặc 701	3.25	3.50	6.00	12.75	13.00	T
95	CSS.C07866	Trịnh Thị Thùy Linh	22/12/90	Nữ	47.07		1	47. .07231	201 hoặc 601 hoặc 701	5.75	1.75	5.25	12.75	13.00	T
96	DHS.C68510	Nguyễn Sỹ Cường	16/07/89	Nam	38.09		1	38.31 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	2.50	4.50	6.00	13.00	13.00	T
97	HCS.C01729	Bùi Đức Mạnh	2/04/91	Nam	42.04		1	42.41 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.75	3.25	5.75	12.75	13.00	T
98	HCS.C02924	Trần Thái	1/06/90	Nam	39.07		2NT	39.20 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	3.75	4.75	13.00	13.00	T
99	HDT.C00518	Lê Đình Hiếu	10/08/90	Nam	28.21		2NT	28.71 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.75	3.00	5.00	12.75	13.00	T
100	LPS.C03945	Nguyễn Thị Duyên	15/10/90	Nữ	28.24		2NT	28.24 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	3.00	5.25	12.75	13.00	T
101	LPS.C04229	Lê Bá Em	12/01/91	Nam	44.02	06	1	44.09 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.50	2.50	6.75	12.75	13.00	T
102	LPS.C05695	Phạm Văn Linh	28/03/90	Nam	26.07		2NT	99.99 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.50	5.00	4.50	13.00	13.00	T
103	LPS.C07303	Võ Văn Tài	10/10/90	Nam	29.12		2NT	29.56 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.75	2.00	6.25	13.00	13.00	T
104	LPS.C07694	Nguyễn Thị Hồng Thắm	23/12/90	Nữ	34.14	06	1	98.05 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	3.75	5.00	12.75	13.00	T
105	LPS.C08179	Trần Thị Hoài Thương	24/09/91	Nữ	49.11		2NT	49.04 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.50	3.00	6.50	13.00	13.00	T
106	LPS.C08472	Nguyễn Văn Tráng	28/02/91	Nam	28.24		2NT	28.24 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	2.50	6.00	13.00	13.00	T
107	LPS.C08580	Trương Lê Trọng	27/08/90	Nam	52.04		2NT	52.00 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.25	3.75	5.00	13.00	13.00	T
108	LPS.C09813	Chu Thị Hương	15/08/89	Nữ	38.12		1	38.42 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	2.00	6.50	13.00	13.00	T
109	LPS.C10235	Nguyễn Thị Kim Thoa	2/04/91	Nữ	39.09		2NT	39.08 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	2.50	5.75	12.75	13.00	T
110	LPS.C10364	Trần Văn Trí	15/06/91	Nam	34.09		2NT	34.42 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.50	4.25	5.00	12.75	13.00	T

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
111	QHX.C04757	Nguyễn Xuân Thanh	2/06/90	Nam	28.17		2NT	28.17 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.75	4.00	3.25	13.00	13.00	T
112	QSX.C01969	Trần Thị Mỹ Ninh	25/02/91	Nữ	39.04		2NT	39.10 .00211	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	2.50	6.25	12.75	13.00	T
113	QSX.C03572	Hoàng Thị Huệ	15/06/91	Nữ	31.04		2NT	31.19 .00258	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	3.75	4.75	13.00	13.00	T
114	QSX.C05951	Trần Công Thực	26/08/90	Nam	39.06		1	99.99 .00165	201 hoặc 601 hoặc 701	6.50	1.25	5.25	13.00	13.00	T
115	SPS.C10556	Bùi Thị Bày	5/05/90	Nữ	32.06		2NT	32. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.50	4.00	5.50	13.00	13.00	T
116	SPS.C10917	Nguyễn Thị Lệ Hiền	10/03/90	Nữ	40.08		1	40. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	3.50	4.00	13.00	13.00	T
117	SPS.C11518	Nguyễn Thị Bé Như	10/07/90	Nữ	49.11		2NT	02. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	2.50	5.25	12.75	13.00	T
118	SPS.C12323	Ngô Thị Quỳnh Châm	5/01/90	Nữ	48.03	06	1	48. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.50	3.75	5.75	13.00	13.00	T
119	SPS.C12659	Nguyễn Thị Liên	3/03/89	Nữ	63.02		1	63. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	2.75	5.00	5.00	12.75	13.00	T
120	TCT.C70380	Nguyễn Chử Y Nguyên	20/06/91	Nam	51.07		1	51.29 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.25	3.50	5.25	13.00	13.00	T
121	TDV.C25465	Hồ Nhật Hoàng	10/02/91	Nam	30.05		2NT	30.38 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.00	4.25	5.75	13.00	13.00	T
122	VHH.C05609	Nguyễn Thị Tuyết	28/11/90	Nữ	29.05		1	29.22 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	2.25	5.50	12.75	13.00	T
123	VHH.C06107	Chu Thị Hạnh	16/07/89	Nữ	29.09		1	29.41 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.00	3.25	4.50	12.75	13.00	T
124	VHH.C06170	Nguyễn Thị Hương	18/02/91	Nữ	29.18		2NT	29.94 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	2.25	5.00	12.75	13.00	T
125	DHT.C72983	Nguyễn Đức Dũng	25/06/91	Nam	30.04		1	30.34 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.25	2.50	5.50	12.25	12.50	T
126	DQN.C02541	Lê Thị Như Ngọc	24/02/91	Nữ	40.12		1	40.20 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	2.75	5.75	12.50	12.50	T
127	HCS.C00956	Hoàng Thế Châu	6/12/86	Nam	29.14	06	2NT	99.99 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	4.00	3.00	12.50	12.50	T
128	LPS.C03918	Vũ Văn Duy	1/05/90	Nam	43.08		1	43.25 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.75	2.50	6.25	12.50	12.50	T
129	LPS.C05457	Dương Hoàng Khương	2/09/90	Nam	44.07		1	44.33 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	4.25	4.25	12.50	12.50	T
130	LPS.C07582	Nguyễn Thị Hương Thảo	18/10/90	Nữ	35.05	06	2NT	35.49 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.75	4.00	4.75	12.50	12.50	T
131	LPS.C08246	Nguyễn Nhật Tiến	8/01/91	Nam	45.02		1	45.02 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.75	2.00	5.50	12.25	12.50	T
132	LPS.C09084	Nguyễn Thị Vui	7/11/91	Nữ	56.08		1	56.22 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.50	2.50	6.25	12.25	12.50	T
133	QSX.C03491	Võ Thị Hòa	1/09/89	Nữ	47.03		1	99.99 .00166	201 hoặc 601 hoặc 701	2.50	5.00	5.00	12.50	12.50	T
134	QSX.C05389	Bùi Thị Thanh	15/05/90	Nữ	30.02	06	1	30.36 .01262	201 hoặc 601 hoặc 701	5.25	1.75	5.25	12.25	12.50	T
135	QSX.C05595	Hoàng Văn Thắng	21/06/86	Nam	42.02		1	99.99 .00081	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	3.75	4.75	12.50	12.50	T
136	SGD.C21284	Hà Thị Đoan	5/04/91	Nữ	42.04		1	42.21 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	2.00	5.00	12.50	12.50	T
137	SGD.C22422	Lê Thị Phượng	14/11/90	Nữ	33.05		1	02.S2 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.25	5.25	3.75	12.25	12.50	T
138	SPS.C14586	Võ Thị Cẩm Hồng	5/01/91	Nữ	46.02		1	46. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	2.25	6.00	12.25	12.50	T
139	TGC.C05538	Lý Văn Ton	28/03/90	Nam	06.07	01	2NT	06.22 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.50	3.00	5.00	12.50	12.50	T
140	HVQ.C01045	Nguyễn Thị Như	20/11/91	Nữ	26.02	06	2NT	26.08 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.75	1.50	5.75	12.00	12.00	T
141	LPS.C08619	Nguyễn Văn Trung	2/04/90	Nam	43.04	01	1	98.05 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	4.00	2.50	5.25	11.75	12.00	T
142	HCH.C04618	Nguyễn Tiến Vượng	20/07/90	Nam	30.10	06	1	30.01 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	2.75	3.25	11.50	11.50	T
143	HCS.C01143	Ra Nai K' Điền	12/07/89	Nam	42.03	01	1	42.00 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.75	1.50	5.50	10.75	11.00	T
144	SPS.C13292	Đông Thị Cẩm	20/12/90	Nữ	45.04	01	2NT	45. .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	3.25	4.00	3.50	10.75	11.00	T
145	TGC.C03703	Đinh Văn Ngọc	1/10/89	Nam	06.09	01	1	06.30 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	5.50	2.00	3.25	10.75	11.00	T
146	LPS.C07122	Thạch Hoa Quý	10/09/87	Nữ	61.04	01	1	98.29 .00000	201 hoặc 601 hoặc 701	2.50	3.25	4.75	10.50	10.50	T
147	CSH.C06643	Nguyễn Thị Thúy Hồng	12/04/90	Nữ	30.10	06	1	30.00.00176	101	7.00	4.50	5.75	17.25	17.50	T
148	QHF.D108288	Phạm Thị Tươi	8/08/91	Nữ	28.16		2NT	28.53.00000	101	7.00	5.25	4.50	16.75	17.00	T
149	QHX.C03257	Vũ Thị Mai	16/06/91	Nữ	28.19		2NT	28.66.00000	101	6.50	3.50	6.50	16.50	16.50	T
150	TDV.C24249	Nguyễn Thị Hải Yến	16/11/91	Nữ	29.14		2NT	29.67.00000	101	4.50	5.00	6.75	16.25	16.50	T

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
151	TGC.C02805	Nguyễn Thị Lệ	1/06/91	Nữ	28.15		2NT	28.48.00000	101	6.00	6.00	4.50	16.50	16.50	T
152	DHS.C67092	Nguyễn Thị Bảy	20/11/90	Nữ	32.04		2NT	32.42.00000	101	5.50	4.75	5.50	15.75	16.00	T
153	LPS.C04929	Hồ Thị Hoạt	2/08/91	Nữ	52.01		2	52.00.00000	101	6.50	3.25	6.25	16.00	16.00	T
154	SPS.C24132	Văn Thị Thanh Huyền	9/02/91	Nữ	29.14		2NT	35..00000	101	5.50	3.75	6.50	15.75	16.00	T
155	LPS.C04293	Mai Phước Giàu	12/03/90	Nam	33.01		2	33.28.00000	101	4.75	4.00	6.50	15.25	15.50	T
156	LPS.C05569	Nguyễn Duy Lãm	21/09/88	Nam	45.06		2NT	45.00.00000	101	4.50	5.75	5.00	15.25	15.50	T
157	LPS.C10426	Vũ Thị Vân	14/01/91	Nữ	38.12		1	38.43.00000	101	4.50	3.00	7.75	15.25	15.50	T
158	HCH.C04469	Trần Văn Phơn	5/06/91	Nam	30.06		1	30.17.00000	101	5.00	3.50	6.50	15.00	15.00	T
159	LPS.C06950	Trịnh Thị Phương	24/07/91	Nữ	44.02		1	44.09.00000	101	5.00	3.50	6.50	15.00	15.00	T
160	LPS.C07617	Huỳnh Thị Thanh Thảo	14/04/91	Nữ	50.01		2	50.11.00000	101	6.00	2.50	6.25	14.75	15.00	T
161	SPS.C12601	Bùi Thị Hương	5/12/91	Nữ	42.02		1	42..00000	101	5.25	2.50	7.00	14.75	15.00	T
162	HCS.C02441	Nguyễn Thị Kiều Trang	23/02/91	Nữ	40.08		1	40.16.00000	101	5.00	3.00	6.25	14.25	14.50	T
163	LPS.C09534	Huỳnh Thị Kim Anh	22/03/91	Nữ	39.01		2	39.01.00000	101	5.25	3.00	6.00	14.25	14.50	T
164	LPS.C09543	Trương Vũ Bảo	20/02/91	Nam	34.09		2NT	34.42.00000	101	4.00	2.25	8.00	14.25	14.50	T
165	LPS.C09818	Lê Thị Thúy Hường	19/06/91	Nữ	39.04		2NT	39.25.00000	101	5.50	2.75	6.25	14.50	14.50	T
166	SPS.C10873	Đặng Thị Hằng	2/10/91	Nữ	27.06		1	98..00000	101	5.00	3.50	5.75	14.25	14.50	T
167	VHH.C04351	Lê Thị Tâm	19/05/91	Nữ	28.22		2NT	28.77.00000	101	5.75	2.00	6.50	14.25	14.50	T
168	HVQ.C00003	Hồ Thị Vân Anh	18/08/90	Nữ	28.10		1	28.10.00000	101	5.50	2.50	6.00	14.00	14.00	T
169	LPS.C05343	Nguyễn Thị Hường	12/01/91	Nữ	44.02		1	44.09.00000	101	6.00	2.50	5.50	14.00	14.00	T
170	LPS.C09230	Trần Thị Yến	6/05/91	Nữ	30.09		1	30.08.00000	101	5.25	2.25	6.50	14.00	14.00	T
171	LPS.D113245	Lê Thị Hồng Diễm	6/03/91	Nữ	39.01		2	39.01.00000	101	5.25	5.00	3.50	13.75	14.00	T
172	QXS.C02118	Nguyễn Thị Anh Thư	23/11/91	Nữ	39.07		2NT	39.37.00259	101	3.00	4.00	6.75	13.75	14.00	T
173	TTN.C25008	Lê Thị Thơm	2/12/91	Nữ	40.08		1	40.26.00000	101	6.00	2.50	5.50	14.00	14.00	T
174	HCS.C01402	Võ Thị Bạch Huệ	3/10/90	Nữ	56.04		2NT	98.05.00000	101	4.50	3.00	5.75	13.25	13.50	T
175	LPS.C05491	Nguyễn Thị Thuý Kiều	27/05/91	Nữ	46.08		1	46.15.00000	101	4.50	3.00	5.75	13.25	13.50	T
176	LPS.C09166	Đoàn Thị Xuân	14/09/90	Nữ	40.04		1	40.60.00000	101	4.25	4.00	5.25	13.50	13.50	T
177	LPS.C09558	Đông Văn Bôm	14/12/90	Nam	37.05	06	2NT	37.00.00000	101	3.50	3.75	6.00	13.25	13.50	T
178	LPS.C10460	Nguyễn Đức Vũ	8/10/90	Nam	36.07		1	36.30.00000	101	3.25	2.25	7.75	13.25	13.50	T
179	QXS.C03898	Nguyễn Văn Kỳ	20/04/90	Nam	63.03		1	98.39.00011	101	2.25	6.50	4.75	13.50	13.50	T
180	QXS.D112123	Nguyễn Duy Tuân	10/11/91	Nam	48.07		2	48.19.00776	101	3.75	3.75	6.00	13.50	13.50	T
181	SGD.C38824	Trần Thị Sâm	21/12/91	Nữ	35.11		2NT	35.34.00000	101	5.00	2.00	6.50	13.50	13.50	T
182	SGD.D125841	Văn Việt Phương Hoài	14/09/91	Nam	32.07	06	2	32.16.00000	101	6.00	3.25	4.00	13.25	13.50	T
183	SPS.C10802	Đinh Thị Thu Hà	4/12/90	Nữ	40.02		1	02..00000	101	4.00	4.50	5.00	13.50	13.50	T
184	SPS.C11941	Trần Thị Thúy	12/12/90	Nữ	30.09		2NT	99..00000	101	4.25	4.00	5.25	13.50	13.50	T
185	TCT.C65977	Phan Thị Ngọc Chiêu	20/12/91	Nữ	54.10		1	54.17.00000	101	5.00	3.25	5.25	13.50	13.50	T
186	VHH.C03524	Phạm Thị Ngọc	16/04/90	Nữ	28.22		2NT	28.75.00000	101	5.50	2.00	5.75	13.25	13.50	T
187	QHX.C05083	Phạm Thị Thịnh	24/02/91	Nữ	28.25	06	2NT	28.84.00000	101	6.00	1.50	5.50	13.00	13.00	T
188	QXS.C01842	Phạm Văn Khanh	4/12/91	Nam	37.05		2NT	37.32.00866	101	4.00	2.50	6.25	12.75	13.00	T
189	QXS.C01989	Phạm Thị Phương	9/04/91	Nữ	39.07		2NT	39.37.00260	101	4.75	3.50	4.50	12.75	13.00	T
190	QXS.C02152	Trần Thị Kiều Trang	16/10/91	Nữ	34.08		2NT	34.37.00139	101	4.75	2.00	6.25	13.00	13.00	T

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
191	QXS.C03928	Nguyễn Thị Lan	14/10/91	Nữ	46.03		1	46.27.02904	101	5.00	2.00	5.75	12.75	13.00	T
192	TCT.C74200	Đoàn Ngọc Tuyên	5/08/90	Nữ	51.04		1	51.13.00000	101	4.75	4.25	3.75	12.75	13.00	T
193	LPS.C07906	Đỗ Thị Thu	3/08/91	Nam	28.10		1	28.10.00000	101	4.50	2.25	5.50	12.25	12.50	T
194	QXS.C02731	Vũ Thị Mỹ Dung	4/04/91	Nữ	40.07		1	40.08.02319	101	5.50	2.75	4.25	12.50	12.50	T
195	QXS.D110792	Nguyễn Phước Tài	6/12/90	Nam	48.01		2	48.00.00513	101	3.00	4.75	4.75	12.50	12.50	T
196	SPD.C09717	Đỗ Thị Trúc Mai	25/03/90	Nữ	49.03		1	49.16.00000	101	3.50	3.75	5.00	12.25	12.50	T
197	ANS.C03206	Huỳnh Thị Thùy	29/05/91	Nữ	35.03	06	2NT	35.00.02003	101	5.00	1.50	5.25	11.75	12.00	T
198	QXS.D110603	Hồ Thị Ngọc Quế	28/02/91	Nữ	50.11		1	50.07.07001	101	4.50	3.50	4.00	12.00	12.00	T
199	LPS.C04384	Trần Thị Mỹ Hà	19/04/91	Nữ	47.04	06	1	47.04.00000	101	4.00	1.25	6.00	11.25	11.50	T
200	LPS.D111836	Lê Thị Bích Ngọc	13/08/91	Nữ	47.08		1	47.08.00000	101	4.50	3.50	3.50	11.50	11.50	T
201	BPS.C02539	Nguyễn Văn Trường	10/01/91	Nam	34.03		2	34.02.00002	201	5.50	8.00	8.00	21.50	21.50	T
202	CSH.C07988	Nguyễn Hữu Luân	29/05/90	Nam	21.02		2NT	21.00.00046	201	4.50	6.00	6.50	17.00	17.00	T
203	SPS.C13165	Mai Thị Tuyên	12/08/91	Nữ	52.07		1	52..00000	201	4.00	5.00	6.25	15.25	15.50	T
204	TGC.C06675	Phạm Thị Mai	14/04/91	Nữ	29.17		2NT	29.88.00000	201	6.50	2.50	6.50	15.50	15.50	T
205	QHL.C04574	Bùi Thái Song	3/12/91	Nam	25.09		2NT	25.67.00000	201	6.25	3.50	5.25	15.00	15.00	T
206	DDS.C52034	Nguyễn Thị Hoài	4/08/90	Nữ	30.01		2NT	30.12.00000	201	5.50	3.50	5.25	14.25	14.50	T
207	HCS.C00943	Nguyễn Lưu Gia Bửu	6/07/91	Nữ	41.01		2	41.20.00000	201	5.75	4.25	4.50	14.50	14.50	T
208	LPS.C06018	Đoàn Thị Quỳnh Mai	12/07/91	Nữ	52.05		1	52.12.00000	201	3.50	4.50	6.50	14.50	14.50	T
209	QXS.C03161	Nguyễn Thị Hằng	28/03/91	Nữ	46.03		1	46.27.02901	201	5.25	2.00	6.00	13.25	13.50	T
210	SPS.C13473	Nguyễn Thị Thu Hằng	28/10/91	Nữ	47.04		1	47..00000	201	3.50	2.25	7.25	13.00	13.00	T
211	SGD.D133429	Lê Thị Hồng Vân	9/10/91	Nữ	02.13		3	02.45.00000	301	5.25	6.50	4.50	16.25	16.50	T
212	HUI.D157942	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	1/11/91	Nữ	02.14		3	02.57.00000	301	4.25	6.75	3.75	14.75	15.00	T
213	LPS.D112719	Phạm Lê Diệu Trang	19/08/91	Nữ	02.02		3	02.83.00000	301	4.25	5.50	5.25	15.00	15.00	T
214	QSK.D103076	Tống Anh Tuấn	24/03/91	Nam	48.07		1	48.21.00000	301	5.00	5.75	4.00	14.75	15.00	T
215	QXS.D107156	Lê Thảo Ngân	20/04/91	Nữ	39.01		2	39.07.00117	301	6.00	4.00	4.75	14.75	15.00	T
216	SGD.D124561	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	28/05/91	Nữ	37.11		3	02.S2.00000	301	5.50	5.25	4.00	14.75	15.00	T
217	SGD.D124881	Nguyễn Li Giang	24/10/91	Nữ	38.01		3	02.S2.00000	301	5.25	5.75	4.00	15.00	15.00	T
218	MHN.D128958	Vương Thị Thuý Ly	16/04/91	Nữ	03.04		3	03.08.00000	301	6.50	4.00	3.75	14.25	14.50	T
219	QSK.D100547	Nguyễn Thị Gấm	18/02/91	Nữ	48.07		1	48.21.00000	301	5.50	6.00	3.00	14.50	14.50	T
220	QSK.D102753	Phạm Minh Tiến	7/08/91	Nam	28.01		3	02.S2.00000	301	3.50	5.50	5.50	14.50	14.50	T
221	QXS.D106777	Bùi Thị Thúy An	25/02/91	Nữ	51.09		2	51.02.00008	301	5.75	3.75	5.00	14.50	14.50	T
222	DMS.D101198	Nguyễn Trần Châu Hạnh	5/06/91	Nữ	02.03		3	02.57.00000	301	4.25	4.00	5.50	13.75	14.00	T
223	DMS.D104419	Phạm Thị Mai Thanh	13/08/91	Nữ	48.06		2	48.16.00000	301	5.50	4.75	3.50	13.75	14.00	T
224	DMS.D105888	Cao Thị Bạch Tuyết	5/08/89	Nữ	48.09		2	48.00.00000	301	4.00	7.50	2.50	14.00	14.00	T
225	DMS.D107078	Nguyễn Thị Thanh Nhân	22/09/91	Nữ	37.01		2	37.01.00000	301	5.25	5.50	3.00	13.75	14.00	T
226	DTH.D106424	Nguyễn Hoàng Dung	5/11/91	Nữ	02.10		3	02.34.00000	301	4.00	6.00	4.00	14.00	14.00	T
227	DTH.D110223	Võ Thị Hồng Trinh	15/11/91	Nữ	02.03		3	02.21.00000	301	5.00	5.00	4.00	14.00	14.00	T
228	DTT.D128571	Nguyễn Cao Thắng	19/08/91	Nam	47.02		2	47.13.00000	301	5.50	5.25	3.25	14.00	14.00	T
229	DTT.D128809	Nguyễn Thị Thu	20/06/91	Nữ	47.01		2	47.32.00000	301	3.50	7.00	3.50	14.00	14.00	T
230	HHK.D100957	Hồ Xuân Thanh Ngọc	16/03/91	Nữ	02.16		3	02.54.00000	301	5.50	4.00	4.50	14.00	14.00	T

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
231	HHK.D101970	Nguyễn Bá Linh	12/12/90	Nam	57.03		2NT	57.04.00000	301	6.00	4.25	3.50	13.75	14.00	T
232	HUI.D160189	Vũ Thị Minh Thủy	19/01/91	Nữ	02.16		3	02.01.00000	301	5.00	4.50	4.50	14.00	14.00	T
233	QHE.D111001	Đặng Thị Thuý An	8/05/89	Nữ	29.01		2	29.01.00000	301	7.00	4.25	2.50	13.75	14.00	T
234	QSK.D100460	Lê Đại Dương	21/06/91	Nam	48.07		1	48.59.00000	301	5.00	3.75	5.00	13.75	14.00	T
235	QSK.D100675	Phan Thị Mỹ Hạnh	14/11/90	Nữ	42.04		1	42.20.00000	301	5.50	5.25	3.25	14.00	14.00	T
236	QSX.D110999	Đình Thanh Thảo	25/08/91	Nữ	40.02		1	40.19.01163	301	6.00	3.00	4.75	13.75	14.00	T
237	QSX.D112186	Phạm Thị Thanh Tuyết	1/04/91	Nữ	48.11		2	48.16.00730	301	5.00	4.50	4.50	14.00	14.00	T
238	SPK.D100190	Trần Duy Khoa	22/11/91	Nam	02.09		2	02.61.00000	301	6.00	3.00	4.75	13.75	14.00	T
239	TCT.D188663	Nguyễn Hải Yến	15/09/91	Nữ	61.01		1	61.02.00000	301	6.25	4.00	3.75	14.00	14.00	T
240	DMS.D100773	Trần Thanh Duy	28/08/91	Nam	02.20		2	02.64.00000	301	5.25	3.25	5.00	13.50	13.50	T
241	DMS.D102130	Lê Mộng Kiều	30/03/91	Nữ	02.12		3	02.40.00000	301	4.25	6.50	2.75	13.50	13.50	T
242	DTT.D130836	Nguyễn Quang Anh Vũ	24/06/91	Nam	53.01		2	53.15.00000	301	3.75	3.75	5.75	13.25	13.50	T
243	HUI.D156704	Phan Thị ánh Hồng	9/10/91	Nữ	40.13		1	40.24.00000	301	5.75	3.75	4.00	13.50	13.50	T
244	HUI.D162178	Huỳnh Lê Gia	6/03/91	Nam	37.05	04	2NT	37.31.00000	301	4.00	5.00	4.50	13.50	13.50	T
245	LPS.D111098	Phùng Lê Trọng Hiếu	7/05/91	Nam	52.01		2	52.01.00000	301	4.50	3.50	5.50	13.50	13.50	T
246	MHN.D131666	Lê Thị Huệ	9/10/91	Nữ	24.06		2NT	24.61.00000	301	7.50	1.75	4.00	13.25	13.50	T
247	QSK.D102560	Phạm Thị Yến Thu	12/01/91	Nữ	48.07		1	48.21.00000	301	4.00	6.25	3.00	13.25	13.50	T
248	QSK.D102659	Nguyễn Thị Thu Thủy	18/08/91	Nữ	44.05		2	02.S2.00000	301	4.25	5.50	3.50	13.25	13.50	T
249	QSX.D106933	Nguyễn Hoàng Trang	10/07/91	Nữ	57.02		2	57.01.00003	301	5.25	3.25	5.00	13.50	13.50	T
250	QSX.D109038	Nguyễn Thị Kim Kiều	30/10/91	Nữ	52.03		1	52.11.00024	301	5.25	4.25	4.00	13.50	13.50	T
251	QSX.D112213	Nguyễn Thị Thanh Tuyên	12/06/91	Nữ	35.06		2NT	35.30.24240	301	4.50	6.00	2.75	13.25	13.50	T
252	SPS.D118917	Huỳnh Thị Kim Phụng	24/09/91	Nữ	02.20		3	02..00000	301	5.50	4.75	3.00	13.25	13.50	T
253	SPS.D124246	Võ Thị Vi	13/05/90	Nữ	34.08		2	34..00000	301	4.25	4.50	4.50	13.25	13.50	T
254	TCT.D181548	Đào Thị Bích Ngọc	17/04/91	Nữ	54.01		1	54.02.00000	301	5.00	2.50	5.75	13.25	13.50	T
255	DMS.D104012	Nguyễn Duy Quang	6/09/91	Nam	02.12		3	02.50.00000	301	5.50	4.00	3.25	12.75	13.00	T
256	LPS.D111945	Tạ Thị Nhung	22/10/91	Nữ	42.11		1	42.26.00000	301	3.50	5.25	4.00	12.75	13.00	T
257	MBS.D131517	Đỗ Hữu Hồng Ân	31/10/91	Nữ	02.13		3	02.43.00000	301	5.50	2.75	4.75	13.00	13.00	T
258	MBS.D142176	Đỗ Thị Kiều Trang	23/07/91	Nữ	53.06		2NT	53.20.00000	301	5.75	3.75	3.25	12.75	13.00	T
259	MBS.D144993	Hồ Xuân Hương	20/12/91	Nữ	57.02		1	57.05.00000	301	5.00	4.00	3.75	12.75	13.00	T
260	NLS.D140452	Nguyễn Quang Bình	21/03/91	Nam	52.01		2	52.13.00000	301	5.75	4.00	3.25	13.00	13.00	T
261	QSX.D107173	Trương Ngọc ánh Nguyệt	19/05/91	Nữ	39.01		2	39.01.00062	301	5.00	3.25	4.75	13.00	13.00	T
262	QSX.D107280	Vũ Thị Thu Thương	17/07/91	Nữ	34.08		2NT	34.37.00144	301	5.00	2.25	5.50	12.75	13.00	T
263	QSX.D111073	Nguyễn Thị Thảo	26/09/91	Nữ	02.13		3	02.97.00032	301	5.50	3.75	3.50	12.75	13.00	T
264	QSX.D112035	Trần Minh Trọng	15/09/88	Nam	44.04		2NT	99.99.01115	301	5.25	3.50	4.00	12.75	13.00	T
265	QSX.D112103	Trương Huỳnh Thanh Trúc	16/06/91	Nữ	48.01		2	48.44.00937	301	5.00	4.00	4.00	13.00	13.00	T
266	SGD.D136222	Đình Phương Anh	5/07/91	Nữ	54.05		1	54.09.00000	301	5.25	4.75	3.00	13.00	13.00	T
267	DMS.D105797	Nguyễn Quốc Trường	10/06/91	Nam	53.10		2NT	53.23.00000	301	6.00	1.50	4.75	12.25	12.50	T
268	HHK.D100480	Vũ Thị Thu Hiền	21/02/91	Nữ	48.02		1	48.36.00000	301	5.00	3.50	3.75	12.25	12.50	T
269	LPH.D112970	Trần Thành Công	10/08/89	Nam	27.07		2NT	27.07.00000	301	6.00	3.00	3.50	12.50	12.50	T
270	LPS.D110863	Phạm Thị Anh Đào	8/10/91	Nữ	46.04		1	46.14.00000	301	5.50	1.75	5.00	12.25	12.50	T

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
271	LPS.D111112	Nguyễn Thị Hiệp	20/02/90	Nữ	34.05		1	02.S2.00000	301	5.00	3.00	4.25	12.25	12.50	T
272	MBS.D139102	Nguyễn Thị Bích Phương	10/09/90	Nữ	48.01		2	98.30.00000	301	4.00	4.00	4.50	12.50	12.50	T
273	NHF.D102192	Vương Thu Hiền	3/08/91	Nữ	19.06		2NT	19.21.00000	301	7.00	1.75	3.75	12.50	12.50	T
274	NLS.D142577	Phạm Văn Phước	15/03/91	Nam	52.02		2	52.07.00000	301	5.75	2.50	4.00	12.25	12.50	T
275	NLS.D143208	Lê Phúc Thịnh	16/03/91	Nam	63.02		1	52.G2.00000	301	3.50	6.25	2.50	12.25	12.50	T
276	NLS.D154789	Trần Thị Thái Hiền	25/08/91	Nữ	39.01		2	39.01.00000	301	6.25	2.00	4.00	12.25	12.50	T
277	QSK.D103228	Thị Thị Khánh Vân	12/02/91	Nữ	04.06		2NT	04.22.00000	301	4.75	3.75	3.75	12.25	12.50	T
278	QSX.D106869	Huỳnh Thị Cẩm Nhung	5/10/91	Nữ	57.05		1	57.27.00001	301	5.25	4.25	3.00	12.50	12.50	T
279	QSX.D106950	Lê Thanh Tuyền	7/07/91	Nữ	57.01		2	57.15.00002	301	6.75	2.25	3.25	12.25	12.50	T
280	SGD.D131825	Hà Thy	14/08/91	Nữ	02.09		2	02.30.00000	301	5.50	3.75	3.00	12.25	12.50	T
281	SGD.D132018	Phan Quốc Toàn	16/07/87	Nam	30.01	03	2	02.S1.00000	301	4.25	4.25	3.75	12.25	12.50	T
282	SGD.D134058	Nguyễn Thị Hoàng Yến	10/01/91	Nữ	47.01		2	47.01.00000	301	6.00	3.25	3.00	12.25	12.50	T
283	DTT.D126965	Nguyễn Thị Nữ	20/06/90	Nữ	52.04		2NT	52.18.00000	301	4.00	4.75	3.25	12.00	12.00	T
284	HHK.D101971	Phan Thị ái Loan	28/03/91	Nữ	54.01		1	54.01.00000	301	5.75	3.00	3.25	12.00	12.00	T
285	LPS.D112969	Đinh Thị Ngọc Uyên	11/10/91	Nữ	46.06		1	46.15.00000	301	4.00	5.00	2.75	11.75	12.00	T
286	MBS.D136060	Nguyễn Thị Mai Linh	14/02/91	Nữ	63.04		1	63.08.00000	301	4.00	5.25	2.50	11.75	12.00	T
287	QSX.D108124	Nguyễn Phạm Đăng	24/06/91	Nam	51.04		1	51.13.00002	301	3.75	4.00	4.00	11.75	12.00	T
288	QSX.D110059	Cao Đức Nhân	17/08/91	Nam	56.06		1	56.18.00012	301	5.75	2.50	3.50	11.75	12.00	T
289	QSX.D110421	Lê Hà Phương	20/08/90	Nữ	34.09		2NT	98.09.00180	301	3.25	6.00	2.50	11.75	12.00	T
290	SGD.D129666	Hồ Thị Phương	8/02/91	Nữ	28.26		2NT	28.91.00000	301	6.00	1.75	4.00	11.75	12.00	T
291	SGD.D130160	Nguyễn Thành Sang	1/06/91	Nam	46.06		1	46.15.00000	301	4.25	3.00	4.75	12.00	12.00	T
292	TCT.D188629	Lâm Thị Mỹ Yến	5/12/90	Nữ	60.04		1	60.05.00000	301	4.50	2.75	4.50	11.75	12.00	T
293	TGC.D110617	Trần Thị Nga	28/12/90	Nữ	29.12		2NT	29.60.00000	301	5.00	3.50	3.50	12.00	12.00	T
294	ANS.D103597	Mai Thanh Duy	20/10/91	Nam	50.05		1	50.00.03764	301	5.50	2.75	3.00	11.25	11.50	T
295	DMS.D104468	Nguyễn Ngọc Bảo Thành	4/02/90	Nam	42.01		1	42.00.00000	301	5.50	2.50	3.50	11.50	11.50	T
296	LPS.D111554	Nguyễn Thị Nhật Lộc	1/11/91	Nữ	35.03	06	2NT	35.18.00000	301	4.00	3.00	4.25	11.25	11.50	T
297	LPS.D112783	Phạm Nguyễn Phúc Trân	4/09/91	Nữ	47.03		1	47.03.00000	301	5.50	3.00	2.75	11.25	11.50	T
298	MBS.D146272	Nguyễn Thuỷ Nguyên	24/11/91	Nữ	38.01	06	1	38.06.00000	301	4.00	4.25	3.00	11.25	11.50	T
299	QSX.D107804	Nguyễn Thị Kiều Chinh	14/05/91	Nữ	40.13		1	40.40.00500	301	4.25	2.75	4.50	11.50	11.50	T
300	QSX.D108164	Nguyễn Thị Gấm	16/03/91	Nữ	46.09		1	46.21.03005	301	4.25	2.00	5.00	11.25	11.50	T
301	SGD.D124720	Nguyễn Thị Hồng Đào	20/01/91	Nữ	52.03		1	52.16.00000	301	6.00	2.25	3.00	11.25	11.50	T
302	SGD.D126019	Dương Thị Nhĩ Hồng	1/02/91	Nữ	45.03	01	2NT	45.16.00000	301	5.25	3.75	2.50	11.50	11.50	T
303	SGD.D139629	Nguyễn Thị Thương	1/04/91	Nữ	37.11		1	37.12.00000	301	4.00	4.50	3.00	11.50	11.50	T
304	QSX.C03648	Nguyễn Thị Bích Huyền	27/04/91	Nữ	42.02		1	42.26.00124	401	5.00	4.50	6.75	16.25	16.50	T
305	BPH.C01330	Nguyễn Thọ Thắng	17/10/91	Nam	29.14	06	2NT	29.14.00078	401	4.50	4.50	7.00	16.00	16.00	T
306	TGC.C02842	Ngô Thị Liên	12/08/91	Nữ	28.21		2NT	28.28.00000	401	6.50	3.50	6.00	16.00	16.00	T
307	TGC.C06556	Nguyễn Thị Hạnh	16/01/91	Nữ	29.11		2NT	29.55.00000	401	6.50	4.00	5.25	15.75	16.00	T
308	HCS.C02836	Nguyễn Thị Lan	20/02/91	Nữ	37.04		2NT	37.37.00000	401	4.25	5.50	5.50	15.25	15.50	T
309	LPS.C07632	Hoàng Thị Thanh Thảo	20/08/90	Nữ	48.07		1	48.20.00000	401	4.50	5.50	5.50	15.50	15.50	T
310	LPS.C09653	Phạm Thị Điềm	10/07/91	Nữ	35.11		2NT	35.43.00000	401	4.50	4.00	7.00	15.50	15.50	T

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
311	HCS.C02522	Hoàng Văn Trung	23/08/90	Nam	32.07		2	99.99.00000	401	5.00	5.75	4.25	15.00	15.00	T
312	LPS.C04620	Bùi Thị Hằng	27/02/91	Nữ	49.12		2NT	49.23.00000	401	4.25	5.50	5.00	14.75	15.00	T
313	LPS.C09003	Bùi Thị Ven	18/10/87	Nữ	56.06		1	99.99.00000	401	4.50	4.00	6.25	14.75	15.00	T
314	LPS.C10008	Trần Văn Ngọc	28/08/89	Nam	34.01		2	34.01.00000	401	3.25	4.75	6.75	14.75	15.00	T
315	TDV.C24835	Nguyễn Thị Thương	20/09/90	Nữ	30.06		2NT	30.15.00000	401	5.75	6.50	2.75	15.00	15.00	T
316	LPS.C10381	Trần Thị Thu Trúc	25/09/91	Nữ	35.11		2NT	35.33.00000	401	3.75	5.00	5.25	14.00	14.00	T
317	QXS.D111201	Đặng Huỳnh Minh Thi	5/11/91	Nữ	02.05		3	02.19.00002	401	5.00	4.50	4.25	13.75	14.00	T
318	SGD.C38654	Đào Minh Dưỡng	16/03/91	Nam	39.08		2NT	39.02.00000	401	4.50	3.50	5.75	13.75	14.00	T
319	NTS.D102647	Phan Thị Kim Thanh	2/02/91	Nữ	56.08		1	56.44.00000	401	5.00	3.50	5.00	13.50	13.50	T
320	SPS.C14913	Phan Trọng Trung	20/10/88	Nam	52.07		2NT	52..00000	401	4.00	2.50	7.00	13.50	13.50	T
321	HCS.C01228	Trương Văn Hải	12/06/90	Nam	43.04		1	43.13.00000	401	3.75	4.25	4.75	12.75	13.00	T
322	LPS.C03605	Nguyễn Thị Ngọc Chi	12/11/91	Nữ	53.07		1	48.30.00000	401	2.75	3.75	6.00	12.50	12.50	T
323	QXS.D109198	Nguyễn Thị Ngọc Liễu	5/12/91	Nữ	49.13		2NT	49.10.00014	401	5.25	3.25	3.25	11.75	12.00	T
324	QXS.D108412	Nguyễn Thị Thúy Hằng	20/07/90	Nữ	50.11		1	98.09.00106	401	5.25	2.75	3.50	11.50	11.50	T
325	SPS.D116962	Phan Thị Mỹ Phương	7/11/91	Nữ	42.03		1	42..00000	401	4.00	2.25	5.00	11.25	11.50	T
326	HUI.D158515	Trần Thị Minh Nguyệt	20/04/91	Nữ	47.05	04	1	47.05.00000	401	4.75	2.50	3.25	10.50	10.50	T
327	CSH.C12014	Lê Thị Thúy Vân	1/07/91	Nữ	18.05		1	18.00.00087	501	7.50	6.50	6.25	20.25	20.50	T
328	ZNS.N00108	Nguyễn Thị Diễm Ly	14/07/91	Nữ	40.06		1	40.02.00000	501	7.00	6.00	6.50	19.50	19.50	T
329	BPS.C02618	Trần Đức Vinh	25/02/90	Nam	39.07	06	2NT	39.07.00028	501	5.50	4.50	8.00	18.00	18.00	T
330	TGC.C05823	Trương Văn Trung	15/03/89	Nam	03.10		2	03.63.00000	501	6.00	6.00	4.75	16.75	17.00	T
331	BPS.C02073	Nguyễn Võ Thành Khoa	23/11/90	Nam	35.10		2NT	35.10.00011	501	6.00	4.00	6.50	16.50	16.50	T
332	LPS.C06301	Nguyễn Kiều Khánh Ngân	19/04/90	Nữ	48.11		2NT	98.05.00000	501	4.75	6.00	5.75	16.50	16.50	T
333	BPH.C00355	Lương Văn Đắc	20/10/91	Nam	28.27		2NT	28.27.00346	501	5.50	4.50	6.00	16.00	16.00	T
334	CSH.C09070	Nguyễn Thanh Sơn	1/10/89	Nam	29.15		2NT	29.00.00077	501	5.50	5.25	5.00	15.75	16.00	T
335	CSH.C09734	Hoàng Việt Tân	8/07/91	Nam	28.15		2NT	28.00.00439	501	5.00	3.50	7.25	15.75	16.00	T
336	DTS.C02667	Ngô Thị Hoa	13/05/91	Nữ	24.01		2	24..00000	501	5.50	4.50	6.00	16.00	16.00	T
337	HCH.C03865	Vũ Thị Tuyền	18/11/91	Nữ	22.01		2	22.12.00000	501	4.50	4.25	7.00	15.75	16.00	T
338	HCS.C02342	Phùng Thị Ba Thùy	8/01/91	Nữ	16.05		2NT	99.99.00000	501	6.50	5.00	4.25	15.75	16.00	T
339	HVQ.C01674	Nguyễn Công Trữ	14/03/84	Nam	38.12		2NT	38.41.00000	501	4.00	6.75	5.25	16.00	16.00	T
340	LPS.C05981	Nguyễn Hữu Lý	9/09/91	Nam	53.06		2NT	53.20.00000	501	4.25	6.75	4.75	15.75	16.00	T
341	LPS.C06262	Lưu Thị Hồng Ngân	20/02/91	Nữ	41.02		2NT	41.11.00000	501	5.25	3.25	7.25	15.75	16.00	T
342	LPS.C07150	Nguyễn Thị Quỳnh	18/08/91	Nữ	40.14		1	40.13.00000	501	4.50	5.00	6.25	15.75	16.00	T
343	LPS.C09027	Huỳnh Cao Việt	5/12/90	Nam	39.06		1	98.05.00000	501	3.50	4.50	7.75	15.75	16.00	T
344	LPS.C10209	Nguyễn Thị Nguyên Thảo	8/07/91	Nữ	39.01		2	39.01.00000	501	5.50	4.50	5.75	15.75	16.00	T
345	LPS.C10291	Lê Thị Thu Thủy	10/10/91	Nữ	35.11		2NT	35.33.00000	501	5.25	3.25	7.25	15.75	16.00	T
346	QXS.C06294	Nguyễn Trương Duy Trực	11/05/84	Nam	45.01		2	98.01.00053	501	4.50	5.75	5.50	15.75	16.00	T
347	SPS.C24472	Nguyễn Văn Cường	15/09/91	Nam	25.04		2NT	25..00000	501	4.00	3.50	8.50	16.00	16.00	T
348	ANH.C02408	Trịnh Hồng Hiếu	1/12/91	Nam	28.27		2NT	28..00354	501	6.00	4.00	5.50	15.50	15.50	T
349	ANS.C03080	Nguyễn Thị Hương Thảo	20/12/91	Nữ	41.01		2NT	41.00.02239	501	5.75	5.25	4.25	15.25	15.50	T
350	DTS.C01096	Vũ Thị Dung	16/06/91	Nữ	18.09		2NT	18..00000	501	5.25	3.00	7.00	15.25	15.50	T

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
351	HCS.C01155	Nguyễn Anh Đức	5/04/86	Nam	40.08		1	40.16.00000	501	4.75	6.00	4.75	15.50	15.50	T
352	HCS.C01543	Nguyễn Văn Kiên	8/09/85	Nam	31.07		2NT	31.42.00000	501	4.75	4.50	6.00	15.25	15.50	T
353	LPH.C06083	Lê Đình Kiên	4/11/88	Nam	03.12		2	03.76.00000	501	6.00	3.75	5.75	15.50	15.50	T
354	LPS.C03342	Nguyễn Thị Lan Anh	24/05/91	Nữ	29.12		2NT	29.56.00000	501	5.00	4.50	6.00	15.50	15.50	T
355	LPS.C05004	Trần Thị Hồng	19/05/91	Nữ	30.12		2NT	30.45.00000	501	6.00	5.00	4.25	15.25	15.50	T
356	LPS.C09971	Đỗ Thị Ngọc Mỹ	10/03/91	Nữ	35.10		2NT	35.29.00000	501	4.75	3.25	7.25	15.25	15.50	T
357	QHX.C03438	Nguyễn Văn Nam	24/10/91	Nam	1B.25		2NT	1B.55.00000	501	5.50	3.75	6.25	15.50	15.50	T
358	QSX.C01876	Phạm Tấn Linh	22/02/90	Nam	37.10		2NT	37.16.00614	501	6.00	2.75	6.50	15.25	15.50	T
359	QSX.C02119	Trần Thị Bích Thư	5/04/91	Nữ	35.05		2NT	35.23.15114	501	5.25	4.00	6.25	15.50	15.50	T
360	QSX.C02155	Nguyễn Thị Thanh Trà	1/01/92	Nữ	37.10		2NT	37.18.00450	501	4.75	4.00	6.75	15.50	15.50	T
361	QSX.C02162	Đoàn Thị Trinh	4/11/91	Nữ	39.07		2NT	39.37.00254	501	4.00	5.00	6.25	15.25	15.50	T
362	QSX.C05399	Lê Đình Thanh	16/08/90	Nam	48.02		1	48.61.00462	501	6.00	3.25	6.25	15.50	15.50	T
363	SPS.C11368	Trần Thị Nga	19/08/89	Nữ	16.05		2	02..00000	501	4.75	4.50	6.25	15.50	15.50	T
364	SPS.C24147	Dương Quang Nghiệp	25/01/91	Nam	35.10		2	35..00000	501	4.50	3.00	7.75	15.25	15.50	T
365	TDV.C25372	Trần Thị Minh Bắc	6/05/90	Nữ	30.02		1	30.35.00000	501	4.50	6.50	4.25	15.25	15.50	T
366	TGC.C03143	Nguyễn Thị Thuỳ Lương	22/12/91	Nữ	1B.22		2NT	1B.39.00000	501	6.00	2.50	7.00	15.50	15.50	T
367	CSS.C05515	Lê Thành Danh	1/02/90	Nam	47.08		1	47..07289	501	5.00	4.25	5.50	14.75	15.00	T
368	DQN.C01114	Trương Thị Hiền	27/05/90	Nữ	40.10		1	40.05.00000	501	4.00	4.25	6.75	15.00	15.00	T
369	HCH.C03700	Phạm Thu Trang	29/07/91	Nữ	17.04	06	2	17.23.00000	501	6.50	2.25	6.00	14.75	15.00	T
370	HCH.C04224	Hoàng Thị Anh	16/02/91	Nữ	29.15		1	29.75.00000	501	7.00	1.00	7.00	15.00	15.00	T
371	HCH.C04281	Bùi Đình Dương	10/06/91	Nam	30.04		1	30.34.00000	501	4.50	4.50	5.75	14.75	15.00	T
372	HCS.C01830	Phạm Thị Xuân Ngoan	10/10/90	Nữ	56.04		1	56.46.00000	501	5.75	3.75	5.50	15.00	15.00	T
373	HCS.C01969	Nguyễn Thị Phúc	10/03/91	Nữ	29.14		2NT	29.68.00000	501	6.50	3.50	5.00	15.00	15.00	T
374	HCS.C02001	La Thanh Phước	20/12/91	Nam	56.07		2NT	56.20.00000	501	4.50	4.50	6.00	15.00	15.00	T
375	HCS.C02197	Nguyễn Thị Thảo	24/06/91	Nữ	30.06		2NT	30.19.00000	501	5.75	3.75	5.50	15.00	15.00	T
376	LPS.C06251	Thái Thị Nga	13/01/91	Nữ	30.09		1	30.08.00000	501	5.00	3.50	6.50	15.00	15.00	T
377	LPS.C06319	Võ Thành Nghĩa	11/02/87	Nam	53.03	03	3	53.47.00000	501	2.75	5.25	6.75	14.75	15.00	T
378	LPS.C08026	Phạm Văn Thuỳ	2/02/85	Nam	22.03		2NT	98.21.00000	501	4.00	4.75	6.00	14.75	15.00	T
379	QHX.C03967	Phạm Thị Hồng Nhung	20/08/91	Nữ	22.01		2NT	22.40.00000	501	7.25	0.50	7.25	15.00	15.00	T
380	QSX.C04350	Vương Thị Mận	29/04/91	Nữ	29.16		2NT	29.80.00384	501	5.75	3.00	6.25	15.00	15.00	T
381	QSX.C04605	Trà Hoài Nghĩa	24/05/91	Nam	45.02	01	1	45.13.00178	501	3.75	4.50	6.50	14.75	15.00	T
382	QSX.C04744	Nguyễn Thị Hồng Nhan	20/03/90	Nữ	45.03		2NT	98.09.00000	501	4.75	4.25	6.00	15.00	15.00	T
383	SGD.C22706	Vũ Thị Mỹ Thịnh	31/08/91	Nữ	26.06		2NT	02.S1.00000	501	5.75	3.75	5.50	15.00	15.00	T
384	SPS.C10464	Phạm Thị Hạnh Vuy	13/03/89	Nữ	52.04	06	2NT	52..00000	501	4.50	4.00	6.50	15.00	15.00	T
385	SPS.C13487	Trần Thị Hằng	2/09/90	Nữ	48.04		2NT	48..00000	501	5.00	4.75	5.00	14.75	15.00	T
386	SPS.C13685	Lương Văn Lâu	26/08/91	Nam	47.08		1	47..00000	501	4.25	4.25	6.50	15.00	15.00	T
387	TCT.C65631	Đỗ Thị Bắc	26/01/91	Nữ	61.09		1	61.36.00000	501	5.25	2.75	7.00	15.00	15.00	T
388	TCT.C69381	Nguyễn Mai Ly	7/01/90	Nữ	56.04		1	55.G5.00000	501	4.25	4.25	6.50	15.00	15.00	T
389	TDV.C24139	Đặng Thị Thơm	15/11/91	Nữ	29.10		1	29.47.00000	501	6.25	2.50	6.25	15.00	15.00	T
390	TGC.C06553	Võ Huy Hạnh	4/07/91	Nam	30.08		2NT	30.14.00000	501	5.50	4.00	5.50	15.00	15.00	T

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
391	VHH.C01039	Phạm Hồng Hà	22/09/91	Nam	26.06		2NT	26.40.00000	501	4.50	3.50	6.75	14.75	15.00	T
392	VHH.C03216	Lê Thị Mừng	5/10/91	Nữ	28.27		2NT	28.97.00000	501	6.00	2.50	6.25	14.75	15.00	T
393	VHH.C06294	Nguyễn Thị Quỳnh	4/02/90	Nữ	29.14		2NT	29.70.00000	501	5.50	4.00	5.50	15.00	15.00	T
394	VHH.C06304	Chu Thị Hoài Thanh	28/03/90	Nữ	29.06		2NT	29.28.00000	501	4.00	5.25	5.75	15.00	15.00	T
395	VHH.C06382	Nguyễn Thị Vân	16/06/91	Nữ	29.11		1	29.50.00000	501	5.75	2.25	6.75	14.75	15.00	T
396	CSH.C10174	Trương Quang Thạch	15/10/91	Nam	30.09	06	1	30.00.00122	501	7.00	0.75	6.75	14.50	14.50	T
397	CSS.C09513	Phan Ngọc Quyết	5/09/90	Nam	35.11	06	2NT	35.35.06356	501	3.25	5.75	5.25	14.25	14.50	T
398	HCS.C01127	Dương Anh Đào	18/11/89	Nam	43.03		1	99.99.00000	501	5.00	4.00	5.50	14.50	14.50	T
399	HCS.C01789	Phạm Thị Nga	13/12/91	Nữ	30.09		1	30.08.00000	501	6.25	2.75	5.50	14.50	14.50	T
400	HCS.C01890	Nguyễn Thị Nhất	2/09/91	Nữ	44.07		1	44.33.00000	501	6.50	3.50	4.25	14.25	14.50	T
401	HCS.C02678	Nguyễn Văn Vũ	1/07/90	Nam	30.10		1	02.S2.00000	501	5.75	4.75	4.00	14.50	14.50	T
402	LPS.C05497	Đoàn Thị Kiều	5/10/90	Nữ	49.04		1	98.39.00000	501	4.00	3.00	7.25	14.25	14.50	T
403	LPS.C06702	Lê Thị Nụ	30/09/91	Nữ	40.01		1	40.02.00000	501	4.00	4.25	6.00	14.25	14.50	T
404	LPS.C06997	Hoàng Thị Bích Phượng	3/09/90	Nữ	15.05		1	99.99.00000	501	4.00	2.75	7.50	14.25	14.50	T
405	LPS.C08236	Võ Hồng Tiến	12/07/88	Nam	40.04		1	40.14.00000	501	3.75	4.00	6.50	14.25	14.50	T
406	QXS.C01633	Lâm Đoàn Anh Tú	20/11/91	Nam	54.02		1	54.06.00001	501	3.75	4.50	6.00	14.25	14.50	T
407	QXS.C02228	Lê Văn Vũ	2/06/90	Nam	38.10		1	38.35.00081	501	4.25	5.00	5.00	14.25	14.50	T
408	SPS.C13635	Lê Minh Khanh	27/02/90	Nam	46.01		1	99..00000	501	3.50	3.50	7.25	14.25	14.50	T
409	SPS.C13840	Hà Thị Thùy Ngân	7/02/91	Nữ	63.03		1	63..00000	501	5.25	2.50	6.50	14.25	14.50	T
410	SPS.C14218	Trần Văn Tiến	7/04/91	Nam	30.10		1	30..00000	501	4.50	3.00	6.75	14.25	14.50	T
411	TCT.C65707	Phan Ngọc Bích	11/09/89	Nữ	64.06		1	64.15.00000	501	6.00	1.75	6.50	14.25	14.50	T
412	TDV.C22656	Lê Thị Thu Hà	19/05/89	Nữ	29.05		1	29.22.00000	501	3.00	5.50	6.00	14.50	14.50	T
413	VHH.C06312	Lê Thị Phương Thảo	25/04/91	Nữ	29.09		1	29.42.00000	501	6.00	1.75	6.50	14.25	14.50	T
414	DHT.C70868	Phạm Thị Ly	12/07/91	Nữ	37.04	06	2NT	37.39.00000	501	4.00	3.00	6.75	13.75	14.00	T
415	HCS.C01755	Nguyễn Thị Mùi	3/01/91	Nữ	29.14	06	2NT	29.68.00000	501	5.50	5.50	3.00	14.00	14.00	T
416	LPS.C03862	Lê Thị Kim Dung	17/10/91	Nữ	43.03	06	1	43.09.00000	501	4.00	3.75	6.00	13.75	14.00	T
417	VHH.C02131	Trần Văn Hưng	5/10/90	Nam	27.03	06	1	27.35.00000	501	6.50	1.00	6.25	13.75	14.00	T
418	BPH.C01138	Đình Xuân Quỳnh	10/05/90	Nam	29.10	01	1	29.10.00043	501	6.25	3.00	4.00	13.25	13.50	T
419	BPS.C02054	Bùi Minh Kha	8/12/90	Nam	43.04	06	1	43.04.00014	501	4.00	4.00	5.50	13.50	13.50	T
420	HCS.C02968	Huỳnh Công Tuấn	14/05/89	Nam	34.01	03	2NT	37.D7.00000	501	5.00	3.25	4.50	12.75	13.00	T
421	BPS.C01774	Phạm Hồng Biên	5/11/87	Nam	40.07	03	1	40.07.00029	501	4.50	2.50	5.50	12.50	12.50	T
422	TDV.C24830	Lê Thanh Hải	2/10/89	Nam	30.06		2NT	30.15.00000	601	2.00	7.00	7.25	16.25	16.50	T
423	HCS.C01716	Hồ Thị Mai	10/10/91	Nữ	63.01		1	63.01.00000	601	6.25	2.50	6.75	15.50	15.50	T
424	VHH.C04763	Nguyễn Thị Thơ	18/09/88	Nữ	18.29		2NT	99.99.00000	601	6.00	4.25	5.00	15.25	15.50	T
425	HCS.C02405	Đỗ Trung Tín	16/08/86	Nam	37.05	06	2NT	99.99.00000	601	4.75	4.50	4.75	14.00	14.00	T
426	SPS.C13553	Ka Hoàn	28/09/91	Nữ	42.04	01	1	42..00000	601	5.50	2.00	6.00	13.50	13.50	T
427	BPS.C01781	Nguyễn Hữu Bình	19/03/88	Nam	42.10		1	42.10.00018	601	3.00	3.00	6.50	12.50	12.50	T
428	DQN.C03331	Hứa Thị Thu Sương	10/12/91	Nữ	45.02	01	1	45.06.00000	601	4.50	2.25	5.50	12.25	12.50	T
429	LPS.C04340	Nguyễn Thị Hà	12/06/90	Nữ	29.15	06	1	29.73.00000	601	4.50	1.75	6.00	12.25	12.50	T
430	SPS.C13276	Trần Thị Bình	1/10/91	Nữ	42.09		1	42..00000	601	4.00	3.25	5.00	12.25	12.50	T

STT	Số Báo Danh	Họ Và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
431	LPS.C05889	Nguyễn Văn Luận	28/07/91	Nam	28.24		2NT	28.24.00000	701	5.00	3.00	7.00	15.00	15.00	T
432	QSX.C02097	Đình Phương Thủy	28/07/91	Nữ	39.07		2NT	39.37.00250	701	5.75	2.75	6.50	15.00	15.00	T
433	BPS.C02022	Nguyễn Văn Hùng	28/02/91	Nam	38.03		1	38.03.00015	701	3.50	6.00	5.00	14.50	14.50	T
434	LPS.C09370	Trương Thuận Lợi	9/01/91	Nam	59.01		2	59.03.00000	701	4.50	3.25	6.50	14.25	14.50	T
435	QSX.C05174	Dương Đăng Trần Quý	12/09/91	Nam	04.01		3	04.02.00003	701	4.75	2.75	7.00	14.50	14.50	T
436	LPS.C05843	Đình Văn Long	10/07/88	Nam	26.07		2NT	98.09.00000	701	3.50	4.25	6.00	13.75	14.00	T
437	LPS.C09709	Lê Thị Ngọc Hân	10/11/91	Nữ	37.01		2	37.04.00000	701	4.50	2.50	7.00	14.00	14.00	T
438	SPS.C12572	Hồ Minh Huy	10/06/91	Nam	41.01		2	41..00000	701	4.50	4.25	5.25	14.00	14.00	T
439	SPS.C13582	Nguyễn Như Huy	10/09/86	Nam	26.04		2NT	99..00000	701	3.50	3.50	7.00	14.00	14.00	T
440	TCT.C66597	Trần Thị Kim Dư	25/11/91	Nữ	54.06		1	54.12.00000	701	3.50	3.00	7.50	14.00	14.00	T
441	TCT.C74742	Nguyễn Lê Yến Vy	17/12/91	Nữ	55.01		3	55.13.00000	701	6.75	1.00	6.25	14.00	14.00	T
442	TDV.C24901	Nguyễn Thị Nhung	5/11/91	Nữ	30.06		1	30.17.00000	701	5.25	2.75	5.75	13.75	14.00	T
443	CSH.C11235	Phạm Hải Trường	9/09/91	Nam	26.08		2NT	26.00.00095	701	4.00	4.50	5.00	13.50	13.50	T
444	LPS.C06630	Đặng Thị Nhung	14/12/90	Nữ	48.11		2NT	48.00.00000	701	4.00	3.50	5.75	13.25	13.50	T
445	MBS.D141265	Trương Thị Thu	31/10/91	Nữ	42.10		1	42.37.00000	701	4.00	6.00	3.00	13.00	13.00	T
446	QSX.D111831	Văn Thị Minh Trang	17/09/91	Nữ	02.16		3	02.04.00005	701	5.75	2.75	4.25	12.75	13.00	T
447	SPS.D119460	Trần Thị Trọn	26/10/91	Nữ	47.05		1	47..00000	701	6.00	2.25	4.75	13.00	13.00	T
448	QSX.D111136	Trần Mai Phương Thảo	9/04/91	Nữ	47.03		1	47.03.00003	701	6.50	2.25	3.75	12.50	12.50	T
449	SPS.D119580	Hà Thị Nhựt Vi	8/03/90	Nữ	34.03		1	99..00000	701	4.50	3.75	3.00	11.25	11.50	T

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN BẬC CAO ĐẲNG NGUYỄN VỌNG 2
VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA TP. HỒ CHÍ MINH**

* **Ghi chú:** Thí sinh nhập học vào ngày 28/09/2009.

STT	Số Báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	khuvuc	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
1	SPS.C10558	Nguyễn Thị Thanh Bằng	7/10/86	Nữ	43.07		1	43. .00000	C66	3.50	6.50	4.75	14.75	15.00	T
2	TCT.C66919	Nguyễn Thị Kim Đông	16/08/90	Nữ	50.02		2	50.23 .00000	C66	3.75	3.75	6.25	13.75	14.00	T
3	DQN.C00324	Lê Viết Cường	2/07/91	Nam	45.02		1	45.02 .00000	C66	5.00	2.25	5.75	13.00	13.00	T
4	SPS.C12132	Trần Thị Bích Tuyền	6/05/91	Nữ	47.10		1	47. .00000	C66	5.75	1.00	6.00	12.75	13.00	T
5	LPS.C06343	Nguyễn Cao Liễu Ngọc	9/09/82	Nữ	02.09		3	99.99 .00000	C66	4.00	3.25	5.00	12.25	12.50	T
6	DQN.C02722	Mai Thị Hồng Nhị	4/12/91	Nữ	37.04		2NT	37.41 .00000	C66	4.75	2.25	5.25	12.25	12.50	T
7	LPS.C09616	Nguyễn Vương Quốc Duy	20/06/89	Nam	35.10		2NT	35.10 .00000	C66	3.00	3.75	5.50	12.25	12.50	T
8	QXS.C01704	Võ Thị Cơ	2/09/91	Nữ	35.08		2NT	35.27 .20519	C66	4.25	3.00	4.50	11.75	12.00	T
9	VHS.C01384	Phạm Quang Quỳnh	1/11/90	Nam	35.07		2NT	35.26 .00000	C66	4.25	2.50	5.00	11.75	12.00	T
10	LPS.C10221	Trịnh Thị Diễm Thi	9/12/91	Nữ	38.05		1	38.21 .00000	C66	4.00	3.00	5.00	12.00	12.00	T
11	TDL.C11746	Lê Thị Ngân Hoa	20/11/91	Nữ	30.06		1	30.35 .00000	C66	5.00	2.25	4.25	11.50	11.50	T
12	SPS.C12837	Trần Thị Hoa Nở	28/08/91	Nữ	47.04		1	47. .00000	C66	4.75	1.50	5.00	11.25	11.50	T
13	QXS.C03377	Lữ Thị Hoa	19/08/90	Nữ	28.25		2NT	28.25 .02010	C66	4.25	2.25	4.75	11.25	11.50	T
14	MBS.C30065	Đỗ Thị Dung	14/04/91	Nữ	40.01		1	40.03 .00000	C66	5.00	1.50	5.00	11.50	11.50	T
15	TCT.C74732	Vũ Văn Vương	18/08/91	Nam	61.08		1	61.02 .00000	C66	5.50	1.00	5.00	11.50	11.50	T
16	DQN.C04515	Đỗ Minh Tuyền	19/05/91	Nam	37.04		2NT	37.40 .00000	C66	4.25	2.25	4.75	11.25	11.50	T
17	QXS.C04972	Hoàng Xuân Phi	10/08/90	Nam	30.07		1	98.09 .00049	C66	6.00	1.50	3.75	11.25	11.50	T
18	DQN.C02298	Phạm Thị Ngọc Minh	2/10/90	Nữ	37.08		2NT	37.21 .00000	C66	3.50	3.00	4.25	10.75	11.00	T
19	HCS.C01924	Trịnh Thị Ninh	1/01/91	Nữ	28.16		2NT	28.53 .00000	C66	5.75	1.25	4.00	11.00	11.00	T
20	SGD.C23068	Lê Thị Hồng Tuyền	20/04/90	Nữ	47.07		1	98.05 .00000	C66	4.50	2.50	3.75	10.75	11.00	T
21	LPS.C07901	Nguyễn Trọng Thu	13/08/89	Nam	28.26		2NT	28.26 .00000	C66	3.25	4.00	3.50	10.75	11.00	T
22	QXS.C02547	Thân Văn Chí	21/03/89	Nam	18.09		1	99.99 .00177	C66	4.00	2.75	4.25	11.00	11.00	T
23	BPS.C02263	Võ Minh Phi	14/03/91	Nam	35.02		1	35.02 .00002	C66	3.50	2.00	5.50	11.00	11.00	T
24	SPS.C14484	Hoàng Thị Lệ Phương	30/07/91	Nữ	45.03		2NT	45. .00000	C66	4.50	2.00	4.50	11.00	11.00	T
25	CSS.C04793	Lê Tuấn Anh	9/08/91	Nam	34.07	06	1	34.34 .04594	C66	5.50	1.25	3.50	10.25	10.50	T
26	SPS.C13005	Trần Thị Kim Thoa	26/11/91	Nữ	45.03		2NT	45. .00000	C66	3.75	3.25	3.25	10.25	10.50	T
27	LPS.C07447	Đặng Thị Lan Thanh	1/10/91	Nữ	40.01		1	40.22 .00000	C66	4.00	1.75	4.75	10.50	10.50	T
28	SPS.C09821	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	28/10/90	Nữ	40.08		1	40. .00000	C66	4.50	2.00	3.75	10.25	10.50	T
29	HCS.C02038	Bùi Thị Tố Quyên	16/02/91	Nữ	56.04		1	56.11 .00000	C66	5.25	1.50	3.50	10.25	10.50	T
30	SGD.C36177	Châu Tú Nghi	8/08/91	Nữ	61.04		1	61.07 .00000	C66	3.75	1.25	5.50	10.50	10.50	T

STT	Số Báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	khuvuc	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
31	TDV.C21864	Lê Thị Quỳnh	10/10/90	Nữ	28.25		2NT	28.25 .00000	C66	2.25	3.00	5.25	10.50	10.50	T
32	BPS.C02046	Hồ Xuân Hưng	11/01/90	Nam	32.06		2NT	32. .00037	C66	3.25	1.00	6.00	10.25	10.50	T
33	LPS.C08857	Đạo Sơn Tùng	4/02/90	Nam	45.02	01	2	45.00 .00000	C66	2.00	1.75	4.75	8.50	8.50	T
34	SPS.C11895	Lâm Nguyễn Thị Thanh Thủy	27/09/90	Nữ	47.03	01	1	47. .00000	C66	3.25	1.25	4.00	8.50	8.50	T
35	CKD.D128453	Nguyễn Thị Thanh Thảo	21/10/91	Nữ	52.07		2NT	52.08 .00070	C68	5.00	4.00	6.50	15.50	15.50	T
36	NLS.D143094	Phạm Lê Thảo	4/11/91	Nữ	02.02		2	02.59 .00000	C68	5.75	3.00	3.00	11.75	12.00	T
37	LPS.D111295	Nguyễn Thu Hương	30/02/90	Nữ	48.02		1	48.36 .00000	C68	4.25	4.00	3.75	12.00	12.00	T
38	CDC.D108535	Vũ Thị Thúy Mùi	13/12/91	Nữ	43.04		1	43.22 .00016	C68	5.00	2.00	3.25	10.25	10.50	T
39	LPS.D113333	Lê Thị Kiều	2/01/91	Nữ	37.05		2NT	37.33 .00000	C68	5.50	2.25	2.50	10.25	10.50	T
40	MBS.D138000	Võ Thị Mỹ Nhã	10/01/91	Nữ	43.02		3	02.S2 .00000	C68	4.00	2.25	4.25	10.50	10.50	T
41	SGD.D136298	Phan Thị Diễm Kiều	10/03/88	Nữ	59.04		2	55.G5 .00000	C68	3.00	4.50	2.75	10.25	10.50	T
42	TSN.D132419	Tô Thị Hà Nghi	1/09/91	Nữ	41.01		2	41.16 .00000	C68	4.25	1.00	4.00	9.25	9.50	T
43	VHS.D100814	Nguyễn Thị Hiền	7/02/91	Nữ	37.04		2NT	37.38 .00000	C68	5.25	1.75	2.50	9.50	9.50	T
44	DTT.D131605	Trần Thị Hạnh	11/03/91	Nữ	39.03		2NT	39.13 .00000	C68	2.75	2.75	3.50	9.00	9.00	T
45	NLS.D143073	Nguyễn Thị Thanh Thảo	27/12/91	Nữ	48.03	06	1	48.34 .00000	C68	4.00	1.00	4.00	9.00	9.00	T
46	TTN.D126905	Nguyễn Thị Hoài Lương	16/01/91	Nữ	40.01		1	40.22 .00000	C68	3.00	2.00	3.50	8.50	8.50	T
47	NTS.D102979	Lê Thanh Trung	2/12/84	Nam	41.06	04	2NT	98.01 .00000	C68	3.00	2.00	3.50	8.50	8.50	T
48	DTT.D124226	Phạm Hân Hoan	21/04/89	Nam	30.10		1	29.47 .00000	C68	3.50	1.75	3.00	8.25	8.50	T
49	DQN.C00620	Nguyễn Thị Mỹ Diệu	15/07/91	Nữ	37.04		2NT	37.38 .00000	C69	4.25	3.25	7.00	14.50	14.50	T
50	CM1.C05075	Nguyễn Thị Tùng	1/03/91	Nữ	28.21		2NT	28.72 .10443	C69	7.00	2.25	4.00	13.25	13.50	T
51	TCT.C67559	Nguyễn Văn Hiếu	1/05/91	Nam	56.06		1	56.17 .00000	C69	4.50	2.75	6.00	13.25	13.50	T
52	TDV.C24867	Lê Hùng Bắc	7/10/90	Nam	30.06		1	30.15 .00000	C69	3.00	5.00	5.50	13.50	13.50	T
53	QSX.C05949	Nguyễn Thị Kim Thức	31/03/90	Nữ	34.09		2	99.99 .00071	C69	5.50	1.50	5.75	12.75	13.00	T
54	SGD.C21255	Trần Thị Thùy Dương	28/12/91	Nữ	48.07		1	48.21 .00000	C69	5.75	2.00	5.00	12.75	13.00	T
55	QSX.C04561	Nguyễn Thị Kim Ngân	13/03/91	Nữ	02.02		3	02.06 .00003	C69	3.75	4.00	5.00	12.75	13.00	T
56	LPS.C07234	Nguuyễn Thanh Sơn	15/07/91	Nam	28.15		2NT	28.50 .00000	C69	3.50	3.00	5.75	12.25	12.50	T
57	LPS.C07589	Trần Thị Thảo	27/09/91	Nữ	31.04		2NT	31.20 .00000	C69	3.00	3.75	5.75	12.50	12.50	T
58	LPS.C05834	Phan Nguyễn Hoàng Long	3/06/91	Nam	45.04		2	45.01 .00000	C69	2.50	3.00	7.00	12.50	12.50	T
59	LPS.C06722	Hoàng Thị Oanh	14/06/89	Nữ	32.05		2	32.00 .00000	C69	4.50	1.75	6.25	12.50	12.50	T
60	QSX.C06072	Ngô Thị Trang	30/08/90	Nữ	33.02		2NT	98.25 .00024	C69	6.00	1.50	4.75	12.25	12.50	T
61	LPS.C06656	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/10/91	Nữ	56.08		1	56.44 .00000	C69	4.00	3.25	5.00	12.25	12.50	T
62	QSX.C02739	Nguyễn Hữu Minh Duy	22/02/90	Nam	02.20		3	02.89 .00007	C69	3.75	3.50	5.00	12.25	12.50	T
63	SPS.C11703	Hoàng Thị Thanh Tâm	18/02/90	Nữ	30.09		2NT	30. .00000	C69	5.50	0.75	6.00	12.25	12.50	T
64	HCS.C01064	Lương Thị Ngọc Dung	20/08/90	Nữ	47.08		1	47.08 .00000	C69	5.00	3.50	4.00	12.50	12.50	T

STT	Số Báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	khuvuc	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
65	QXS.C06146	Lê Thị Quỳnh Trâm	29/01/91	Nữ	32.07		2NT	32.12 .00469	C69	5.75	1.75	5.00	12.50	12.50	T
66	TDV.C24751	Nguyễn Ngọc Quý	1/10/91	Nam	30.08		2NT	30.13 .00000	C69	2.00	4.50	6.00	12.50	12.50	T
67	QXS.C04089	Nguyễn Thị Ngọc Linh	12/11/91	Nữ	35.01		2	35.50 .39030	C69	5.00	1.75	5.75	12.50	12.50	T
68	VHS.C00043	Phạm Văn Bắc	23/03/91	Nam	42.09		1	42.34 .00000	C69	2.25	5.50	4.00	11.75	12.00	T
69	QXS.C02235	Trần Thế Vương	23/05/91	Nam	37.01		2	37.07 .00786	C69	3.25	3.75	5.00	12.00	12.00	T
70	MBS.C30815	Lê Xuân Quang	19/05/91	Nam	38.01		1	38.02 .00000	C69	3.00	3.00	6.00	12.00	12.00	T
71	HDT.C01048	Lương Thị Liên	2/02/90	Nữ	28.24		2NT	28.24 .00000	C69	5.00	4.00	2.50	11.50	11.50	T
72	VHH.C02402	Nguyễn Văn Khoa	16/10/91	Nam	27.07		2NT	27.73 .00000	C69	4.00	2.00	5.50	11.50	11.50	T
73	DDS.C51163	Mã Thị Hồng Diệu	12/06/91	Nữ	37.01	06	2	37.02 .00000	C69	2.00	4.00	5.50	11.50	11.50	T
74	QXS.C03935	Phạm Thị Lan	11/10/91	Nữ	21.12		2NT	21.40 .00001	C69	5.75	2.25	3.25	11.25	11.50	T
75	VHS.C01259	Nguyễn Thị Chi	13/06/91	Nữ	39.08		2NT	39.02 .00000	C69	3.00	2.25	6.00	11.25	11.50	T
76	VHS.C00141	Lê Anh Dũng	15/05/90	Nam	30.03		1	98.01 .00000	C69	1.50	4.00	6.00	11.50	11.50	T
77	SPS.C14944	Trương Thị Kim Liên	16/11/90	Nữ	47.02		1	47. .00000	C69	2.50	2.75	6.25	11.50	11.50	T
78	SPS.C10829	Phan Thị Bích Hào	30/10/91	Nữ	41.06		2NT	41. .00000	C69	5.50	1.50	4.50	11.50	11.50	T
79	MBS.C30827	Võ Thành Tân	20/12/90	Nam	35.01		2	35.50 .00000	C69	4.00	1.50	5.75	11.25	11.50	T
80	HCS.C02625	Lương Thị Vân	7/05/91	Nữ	28.26		2NT	28.91 .00000	C69	4.50	2.50	4.25	11.25	11.50	T
81	VHS.C01277	Lê Thanh Dương	20/08/90	Nam	35.05		2NT	35.05 .00000	C69	2.50	5.00	3.75	11.25	11.50	T
82	VHS.C00656	Nguyễn Thị Ngọc	20/05/91	Nữ	43.05		1	43.15 .00000	C69	3.75	3.25	4.50	11.50	11.50	T
83	LPS.C10414	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	4/04/91	Nữ	37.04		2NT	37.36 .00000	C69	4.50	1.75	4.75	11.00	11.00	T
84	VHS.C00745	Trần Hoàng Phi	9/10/91	Nam	45.04		2	45.01 .00000	C69	4.00	2.00	5.00	11.00	11.00	T
85	DHS.C66826	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	29/11/90	Nữ	30.10		1	30.01 .00000	C69	6.25	0.50	4.00	10.75	11.00	T
86	TDL.C15336	Võ Thị Vân	7/05/91	Nữ	30.09		2NT	30.06 .00000	C69	4.25	1.50	5.00	10.75	11.00	T
87	DLH.C00100	Dương Thị Đông	5/05/91	Nữ	48.11	01	2NT	48.46 .00000	C69	4.25	1.25	5.50	11.00	11.00	T
88	SPS.C11975	Lương Thị Cẩm Tiên	7/10/91	Nữ	46.06		1	46. .00000	C69	5.75	1.00	4.25	11.00	11.00	T
89	SP2.C03727	Đỗ Thị Thụ	10/05/90	Nữ	1B.22		2NT	1B.42 .00000	C69	2.50	2.50	5.75	10.75	11.00	T
90	DDS.C51276	Lê Thị Duyên	8/11/89	Nữ	29.12		2NT	29.57 .00000	C69	4.25	2.00	4.75	11.00	11.00	T
91	BPS.C01988	Lê Thanh Hòa	3/10/90	Nam	37.05		2NT	37.05 .00014	C69	3.50	2.50	5.00	11.00	11.00	T
92	VHS.C00752	Trần Văn Phúc	24/09/90	Nam	40.03		1	40.52 .00000	C69	3.75	2.75	4.25	10.75	11.00	T
93	HCS.C01479	Lưu Văn Hưng	20/01/89	Nam	28.13		1	28.13 .00000	C69	3.25	4.25	3.50	11.00	11.00	T
94	LPS.C06810	Trần Văn Phú	20/08/91	Nam	31.04		2NT	31.20 .00000	C69	3.75	1.75	5.50	11.00	11.00	T
95	SPH.C20654	Hoàng Thị Xuân	5/03/90	Nữ	45.04		2NT	99.T6 .00000	C69	5.00	1.00	4.50	10.50	10.50	T
96	CSS.C04793	Lê Tuấn Anh	9/08/91	Nam	34.07	06	1	34.34 .04594	C69	5.50	1.25	3.50	10.25	10.50	T
97	VHS.C00967	Nguyễn Thị Thuý	20/07/91	Nữ	28.15		2NT	28.15 .00000	C69	4.50	1.50	4.50	10.50	10.50	T
98	MBS.C30099	Nguyễn Hữu Đức	18/12/89	Nam	43.01		1	43.00 .00000	C69	2.25	5.00	3.25	10.50	10.50	T

STT	Số Báo danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	khuvuc	Mã Hồ Sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	TT
99	VHS.C01152	Thái Thị Ngọc Tú	4/07/90	Nữ	56.07		2NT	99.99 .00000	C69	3.50	2.75	4.25	10.50	10.50	T
100	QXS.C06018	Vũ Thị Toan	20/01/91	Nữ	48.11		2NT	48.46 .00411	C69	5.25	1.00	4.00	10.25	10.50	T
101	HCS.C02761	Nguyễn Thị Can	18/11/90	Nữ	38.09		1	38.34 .00000	C69	5.00	1.00	4.25	10.25	10.50	T
102	QXS.C03850	Nguyễn Kim Khóa	6/04/91	Nam	39.01		2	39.01 .00054	C69	3.50	2.00	5.00	10.50	10.50	T
103	DDS.C53744	Cao Thị Kim Phụng	10/10/91	Nữ	35.03		2NT	35.17 .00000	C69	4.50	1.00	5.00	10.50	10.50	T
104	SPS.C09702	Nguyễn Thị Tú Anh	5/11/91	Nữ	30.09	06	2NT	99. .00000	C69	4.50	0.50	4.75	9.75	10.00	T
105	CV1.C08057	Bùi Văn Trung	8/02/89	Nam	23.04	01	1	23.04 .06375	C69	4.50	1.50	4.00	10.00	10.00	T
106	LPS.C08126	Trần Minh Thư	30/03/91	Nữ	56.04		1	56.11 .00000	C69	3.75	1.50	4.75	10.00	10.00	T
107	TTN.C22076	Đình Thị Thùy Anh	27/12/89	Nữ	40.14		1	40.37 .00000	C69	4.00	0.75	5.00	9.75	10.00	T
108	QXS.C02503	Bùi Thị Quỳnh Chi	28/08/90	Nữ	40.02		1	40.19 .01154	C69	3.50	2.25	4.25	10.00	10.00	T
109	QXS.C06122	Trần Thị Huỳnh Trang	1/07/91	Nữ	35.08		2NT	35.27 .20511	C69	2.75	1.50	5.50	9.75	10.00	T
110	QXS.C01978	Ngô Thị Phi	29/08/90	Nữ	39.09		2NT	39.22 .00171	C69	4.75	1.25	4.00	10.00	10.00	T
111	HCS.C01436	Đoàn Thị Huyền	20/05/91	Nữ	40.05		1	40.21 .00000	C69	4.50	1.25	3.50	9.25	9.50	T
112	VHS.C00284	Phạm Thị Thu Hiền	22/06/91	Nữ	43.02		1	43.06 .00000	C69	2.75	2.00	4.50	9.25	9.50	T
113	HCS.C01100	Đỗ Văn Dũng	19/05/89	Nam	42.10		1	42.43 .00000	C69	4.50	1.50	3.50	9.50	9.50	T
114	QXS.C02824	Võ Thị Dương	17/12/90	Nữ	42.10		1	42.43 .00118	C69	4.25	2.25	3.00	9.50	9.50	T
115	LPS.C07388	Nguyễn Hồ Tân	23/04/91	Nam	43.02		1	43.06 .00000	C69	2.00	1.25	6.00	9.25	9.50	T
116	LPS.C05187	Huỳnh Mạnh Hùng	28/11/89	Nam	40.07		1	40.04 .00000	C69	3.00	3.25	3.00	9.25	9.50	T
117	TDL.C12287	Võ Thị Khanh	13/09/91	Nữ	47.08		1	47.08 .00000	C69	2.75	0.50	6.25	9.50	9.50	T
118	TTN.C25654	Ma Văn Vui	17/02/88	Nam	40.04	01	1	99.99 .00000	C69	2.00	2.25	4.75	9.00	9.00	T
119	TDL.C11415	Quảng Đại Thương Hạng	28/10/89	Nam	45.04	01	2NT	41.E1 .00000	C69	2.25	2.25	3.50	8.00	8.00	T
120	VHS.C00208	Mai Hữu Hào	3/04/87	Nam	61.06	01	1	99.99 .00000	C69	3.25	1.75	2.50	7.50	7.50	T